

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Công Hạnh và bà Võ Thị Hồng Trà

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* ông Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1994; Địa chỉ: 18/1 Tr...., phường ...., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

\* Bị đơn: Anh Hồ Vũ P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Địa chỉ: 18/1 Tr...., phường ...., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/7/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà chửi bới, xúc phạm cũng như đi làm về không đưa tiền cho vợ để lo cho gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nhiều lần chị M cho cơ hội nhưng anh P vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng không được gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương hòa giải. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị M bỏ về nhà cha mẹ sống từ khi đưa đơn

ly hôn cho đến nay không còn ai quan tâm, chăm sóc đến ai nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị M và anh P có 01 con chung tên là Hồ Nhật K, sinh ngày 12/10/2012. Hiện nay cháu K đang sống với anh P. Ly hôn, vì nguyện vọng của cháu K là sống với anh P nên chị M đồng ý giao cháu K cho anh P nuôi dưỡng, chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị M và anh P thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Hồ Vũ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất như chị M trình bày về quá trình kết hôn. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh P thừa nhận có đi nhậu, không chăm sóc vợ con chu đáo nhưng hiện nay anh P đã sửa sai và không đi nhậu, lo làm ăn. Bản thân anh P đi làm về vẫn đưa tiền cho vợ con bình thường. Vì còn thương vợ thương con nên tha thiết xin được đoàn tụ để lo cho cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái trưởng thành nên không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 01 con chung như chị M trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị M có cấp dưỡng hay không là tùy thuộc ý kiến của chị M, anh P không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Anh P thống nhất như lời trình bày của chị M, hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh P; Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Hồ Nhật K cho anh P nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hồ Vũ P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34/2012, quyền số 01/2012 ngày 12/7/2012 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M và anh P bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm sóc vợ con và do kinh tế khó khăn nên kinh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Tuy anh P không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nhưng từ lúc xảy ra mâu thuẫn cho đến nay anh P vẫn không có biện pháp hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống với anh P. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh P.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị M và anh P xác định có 01 (một) con chung tên là Hồ Nhật K, sinh ngày 12/10/2012. Hiện nay cháu K đang sống với anh P. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi chị M và anh P sống xa nhau, cháu K đều do anh P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của con, đồng thời cháu K cũng có nguyện vọng sống với anh P. Do đó cần tiếp tục giao cháu K cho anh P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng của chị M, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị M và anh P thống nhất tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M được ly hôn với anh Hồ Vũ P.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Hồ Nhật K, sinh ngày 12/10/2012 cho anh Hồ Vũ P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; hiện nay cháu K đang sống với anh P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Trà M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Nhật K 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ

tháng 5/2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hồ Vũ P thống nhất tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị M đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2019/0007092 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND phường ..., Tp T;  
(Số 34/2012, quyển số 01/2012)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Tân Sang**